TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 12 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang.

2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Minh P, sinh năm 1986; Địa chỉ: khóm N, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: khóm N, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Trương Minh P và chị Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng theo anh Phương trình bày đến khoảng năm 2022, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung từ đó đời sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung, anh Trương Minh P khai anh và chị T chung sống với nhau có 02 người con chung là Trương Ngọc Dung, sinh ngày 24/9/2004 và Trương Ngọc Thanh, sinh ngày 17/10/2006. Hiện các con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, anh Trương Minh P khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Thị T (bị đơn), tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh P (nguyên đơn). Riêng anh P đã có lời khai và nộp đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 16/12/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Riêng nguyên đơn đã có lời khai, đã tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và nộp đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm ăn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bị đơn không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân được chấp nhận. Cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Do đó, có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung là Trương Ngọc Dung, sinh ngày 24/9/2004 và Trương Ngọc Thanh, sinh ngày 17/10/2006. Hiện các con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Minh P về việc xin ly hôn chị Trần Thị T.

- Về con chung là Trương Ngọc Dung, sinh ngày 24/9/2004 và Trương Ngọc Thanh, sinh ngày 17/10/2006. Hiện các con đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được. Khi ly hôn, anh Trương Minh P không đặt ra yêu cầu gì về con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung, anh Trương Minh P khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Trương Minh P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 11/10/2024, anh P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003917 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND thị trấn Cái Đôi V, H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký

Lâm Hoài Ân